

Số: 390/TB-KVTN

Tân Ninh, ngày 03 tháng 4 năm 2026

THÔNG BÁO

Về việc niêm yết công khai dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện dự án Đầu tư xây dựng Đường 3 tháng 2 (đoạn từ đường CMT8 đến đường Bời Lời) đoạn qua phường Bình Minh

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024;

Căn cứ Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/06/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật các Tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 của Chính phủ Quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ Quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ Quy định về phân định thẩm quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam Khóa XV, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 11/12/2025 Quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 49/2025/NQ-HĐND ngày 29/12/2025 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc ban hành quy định Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2026;

Căn cứ Công văn số 1354/UBND-KTTC ngày 27/01/2026 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 49/2025/NQ-HĐND ngày 29/12/2025 của HĐND tỉnh Tây Ninh về việc ban hành quy định Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định số 31/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định số 39/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về nhà ở, công trình xây dựng, chi phí di chuyển và chi phí phá dỡ tài sản gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định số 44/2024/QĐ-UBND ngày 15/10/2024 của UBND tỉnh Tây Ninh Ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất và mức bồi thường cụ thể khi Nhà nước thu hồi đất mà gây thiệt hại đối với vật nuôi là thủy sản hoặc vật nuôi khác mà không thể di chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định số 62/2024/QĐ-UBND ngày 12/11/2024 của UBND tỉnh Sửa đổi, bổ sung Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh ban hành kèm theo Quyết định số 31/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định số 938/QĐ-UBND ngày 23/4/2025 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Đầu tư xây dựng Đường 3 Tháng 2 (Đoạn từ đường CMT8 đến đường Bời Lời);

Căn cứ Quyết định số 8398/QĐ-UBND ngày 13/11/2025 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt dự án Đầu tư xây dựng Đường 3 Tháng 2 (Đoạn từ đường CMT8 đến đường Bời Lời);

Căn cứ Thông báo ngày 05/5/2025 của UBND thành phố Tây Ninh về việc thông báo thu hồi đất để thực hiện dự án Đầu tư xây dựng Đường 3 Tháng 2 (Đoạn từ đường CMT8 đến đường Bời Lời) (Từ Thông báo số 165/TB-UBND đến Thông báo số 374/TB-UBND);

Căn cứ Quyết định số 34/QĐ-UBND ngày 23/7/2025 của Chủ tịch UBND phường Tân Ninh về việc thành lập Hội đồng Bồi thường, Hỗ trợ và tái định cư thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng Đường 3 Tháng 2 (Đoạn từ đường CMT8 đến đường Bời Lời);

Căn cứ Quyết định số 440/QĐ-UBND ngày 06/11/2026 của Chủ tịch UBND phường Bình Minh về việc kiện toàn Hội đồng Bồi thường, Hỗ trợ và Tái định cư thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng Đường 3 Tháng 2 (Đoạn từ đường CMT8 đến đường Bời Lời).

Căn cứ kết luận cuộc họp Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ và Tái định cư phường Bình Minh ngày 03/4/2026.

Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất Khu vực Tân Ninh thông báo niêm yết công khai dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện dự án Đầu tư xây dựng Đường 3 tháng 2 (đoạn từ đường CMT8 đến đường Bời Lời) đoạn qua phường Bình Minh như sau:

I. KHÁI QUÁT VỀ DỰ ÁN:

Tên dự án: Đầu tư xây dựng Đường 3 Tháng 2 (Đoạn từ đường CMT8 đến đường Bời Lời).

Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình giao thông tỉnh Tây Ninh.

Địa chỉ khu đất thực hiện dự án: Phường Bình Minh, tỉnh Tây Ninh.

Diện tích đất thu hồi: **33.553,9 m²**.

Trong đó:

- Đất do Nhà nước quản lý: **12.976,15 m²**

- Đất do hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng phải bồi thường: **20.577,75 m²**.

Cụ thể:

+ Đất ở tại đô thị: 6.214,10 m².

+ Đất trồng cây lâu năm: 10.922,85 m².

+ Đất trồng lúa: 3.440,80 m²

- Số hộ dân bị ảnh hưởng: **184** hộ (Trong đó: 178 hộ bị thu hồi đất và 06 hộ xây dựng nhà, công trình trên đất người khác đứng tên chủ sử dụng).

- Số hộ dân đủ điều kiện xem xét bố trí tái định cư: 14 hộ.

- Địa điểm dự kiến bố trí tái định cư: Khu tái định cư đường Trần Phú (Thuộc phường Bình Minh, tỉnh Tây Ninh).

- Đơn vị thực hiện công tác bồi thường: Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất Khu vực Tân Ninh

II. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM NIÊM YẾT:

- **Thời gian:** 10 ngày, tính từ ngày 03/4/2026 theo quy định tại Điểm b Khoản 9 Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam Khóa XV, kỳ họp thứ 10.

- **Địa điểm:** Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công phường Bình Minh, Văn phòng Khu phố Ninh An và Văn phòng Khu phố Ninh Lộc, phường Bình Minh, tỉnh Tây Ninh.

- **Hồ sơ niêm yết gồm:**

+ Thông báo số 390/TB-KVTN ngày 03 tháng 4 năm 2026 của Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất Khu vực Tân Ninh.

+ Dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện dự án Đầu tư xây dựng Đường 3 tháng 2 (đoạn từ đường CMT8 đến đường Bời Lời) đoạn qua phường Bình Minh.

III. NỘI DUNG DỰ THẢO PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:

1. Bồi thường về đất:

1.1. Nguyên tắc bồi thường khi thu hồi đất:

Thực hiện theo quy định tại Điều 91 Luật Đất đai năm 2024.

Điều kiện bồi thường về đất: Thực hiện theo quy định tại Điều 95 Luật Đất đai năm 2024.

1.2. Xác định loại đất, vị trí đất bồi thường:

a. Căn cứ pháp lý để làm cơ sở xác định loại đất, vị trí đất bồi thường:

- Căn cứ Nghị quyết số 49/2025/NQ-HĐND ngày 29/12/2025 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Căn cứ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp của các hộ dân.

b. Lập phương án bồi thường, hỗ trợ đối với một số trường hợp cụ thể:

Đối với trường hợp diện tích đo đạc thực tế khác với diện tích ghi trên giấy tờ về quyền sử dụng đất: Thực hiện việc bồi thường đất theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

1.3. Đơn giá đất bồi thường:

Đơn giá đất để tính tiền bồi thường về đất: Thực hiện theo Chứng thư định giá đất số 237/2026/48 ngày 24/3/2026 của Công ty TNHH Thẩm định giá VALID đã được Hội đồng Thẩm định giá đất cụ thể phường Bình Minh thống nhất thông qua tại cuộc họp ngày 31/3/2026.

Đơn giá đất cụ thể như sau:

TT	Nội dung	Đường giao thông nền đường \geq 6m, có trải bê tông hoặc nhựa	Đường giao thông nền đường \geq 6m có trải đá, sỏi đỏ hoặc bằng đất	Đường giao thông nền đường 3m đến < 6m, có trải bê tông hoặc nhựa	Đường giao thông nền đường 3m đến < 6m có trải đá, sỏi đỏ hoặc bằng đất	Đường giao thông nền đường < 3m, có trải bê tông hoặc nhựa	Đường giao thông nền đường < 3m có trải đá, sỏi đỏ hoặc bằng đất	Không giáp đường	Giáp Suối
A	Đất ở								
I	Đường Bời Lời trong đoạn từ Ngã ba Lâm Vô đến Ngã ba Điện Biên Phủ								
1	Vị trí 1 đường Bời Lời trong đoạn từ Ngã ba Lâm Vô đến Ngã ba	20.468.000							

TT	Nội dung	Đường giao thông nền đường \geq 6m, có trải bê tông hoặc nhựa	Đường giao thông nền đường \geq 6m có trải đá, sỏi đỏ hoặc bằng đất	Đường giao thông nền đường 3m đến < 6m, có trải bê tông hoặc nhựa	Đường giao thông nền đường 3m đến < 6m có trải đá, sỏi đỏ hoặc bằng đất	Đường giao thông nền đường < 3m, có trải bê tông hoặc nhựa	Đường giao thông nền đường < 3m có trải đá, sỏi đỏ hoặc bằng đất	Không giáp đường	Giáp Suối
	Điện Biên Phủ (trong phạm vi 50m đầu, tiếp giáp đường Bờ Lờ hoặc không tiếp giáp đường nhưng cùng chủ sử dụng với thửa đất tiếp giáp đường)								
2	Vị trí 2 đường Bờ Lờ trong đoạn từ Ngã ba Lâm Vô đến Ngã ba Điện Biên Phủ (trong phạm vi 50m đầu, không tiếp giáp đường Bờ Lờ và không cùng chủ sử dụng với thửa đất tiếp giáp đường)	14.327.600							
3	Vị trí 3 đường Bờ Lờ trong đoạn từ Ngã ba Lâm Vô đến Ngã ba Điện Biên Phủ (thửa đất trong phạm vi từ sau mét thứ 50 đến mét thứ 100)	8.187.200							
II	Đường 25 Bờ Lờ								
1	Vị trí 1 đường 25 Bờ Lờ (trong phạm vi 50m đầu, tiếp giáp đường 25 Bờ Lờ hoặc không tiếp giáp đường nhưng cùng chủ sử dụng với thửa đất tiếp giáp đường)	7.367.000	6.598.000	5.583.600	3.050.100	3.183.500	1.911.200		
2	Vị trí 2 đường 25 Bờ Lờ (trong phạm vi 50m đầu, không tiếp giáp đường 25 Bờ Lờ và không cùng chủ sử dụng với thửa đất tiếp giáp đường)	5.156.900	4.618.600	3.908.500	2.135.070	2.228.450	1.337.800		
3	Vị trí 3 đường 25 Bờ Lờ (thửa đất trong phạm vi từ sau mét thứ 50 đến mét thứ 100)	2.946.800	2.639.200	2.233.400	1.220.000	1.273.400	764.500		
III	Đường số 53, 55, 56, 57 Điện Biên Phủ								
1	Vị trí 1 đường số 53, 55, 56, 57 Điện Biên Phủ (trong phạm vi 50m đầu, tiếp giáp đường Bờ Lờ hoặc không tiếp giáp	7.776.000			3.219.500		2.017.300		

TT	Nội dung	Đường giao thông nền đường \geq 6m, có trải bê tông hoặc nhựa	Đường giao thông nền đường \geq 6m có trải đá, sỏi đỏ hoặc bằng đất	Đường giao thông nền đường 3m đến < 6m, có trải bê tông hoặc nhựa	Đường giao thông nền đường 3m đến < 6m có trải đá, sỏi đỏ hoặc bằng đất	Đường giao thông nền đường < 3m, có trải bê tông hoặc nhựa	Đường giao thông nền đường < 3m có trải đá, sỏi đỏ hoặc bằng đất	Không giáp đường	Giáp Suối
	đường nhưng cùng chủ sử dụng với thửa đất tiếp giáp đường)								
2	Vị trí 2 đường số 53, 55, 56, 57 Điện Biên Phủ (trong phạm vi 50m đầu, không tiếp giáp đường số 53, 55, 56, 57 Điện Biên Phủ và không cùng chủ sử dụng với thửa đất tiếp giáp đường)	5.443.200			2.253.700		1.412.100		
3	Vị trí 3 đường số 53, 55, 56, 57 Điện Biên Phủ (thửa đất trong phạm vi từ sau mét thứ 50 đến mét thứ 100)	3.110.400			1.287.800		806.900		
IV	Hẻm số 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12 đường Huỳnh Văn Thanh								
1	Vị trí 1 Hẻm số 1,2,3,4,5,6 đường Huỳnh Văn Thanh (trong phạm vi 50m đầu, tiếp giáp Hẻm số 1,2,3,4,5,6 đường Huỳnh Văn Thanh hoặc không tiếp giáp đường nhưng cùng chủ sử dụng với thửa đất tiếp giáp đường)	5.813.000							
2	Vị trí 2 Hẻm số 1,2,3,4,5,6 đường Huỳnh Văn Thanh (trong phạm vi 50m đầu, không tiếp giáp Hẻm số 1,2,3,4,5,6 đường Huỳnh Văn Thanh và không cùng chủ sử dụng với thửa đất tiếp giáp đường)	4.069.100							
3	Vị trí 3 Hẻm số 1,2,3,4,5,6 đường Huỳnh Văn Thanh (thửa đất trong phạm vi từ sau mét thứ 50 đến mét thứ 100)	2.325.200							
4	Vị trí 1 Hẻm số 7, 8, 9, 10, 11, 12 đường Huỳnh Văn Thanh (trong phạm vi 50m đầu, tiếp giáp	5.609.000							

TT	Nội dung	Đường giao thông nền đường \geq 6m, có trải bê tông hoặc nhựa	Đường giao thông nền đường \geq 6m có trải đá, sỏi đỏ hoặc bằng đất	Đường giao thông nền đường 3m đến < 6m, có trải bê tông hoặc nhựa	Đường giao thông nền đường 3m đến < 6m có trải đá, sỏi đỏ hoặc bằng đất	Đường giao thông nền đường < 3m, có trải bê tông hoặc nhựa	Đường giao thông nền đường < 3m có trải đá, sỏi đỏ hoặc bằng đất	Không giáp đường	Giáp Suối
	Hẻm số 7, 8, 9, 10, 11, 12 đường Huỳnh Văn Thanh hoặc không tiếp giáp đường nhưng cùng chủ sử dụng với thửa đất tiếp giáp đường)								
5	Vị trí 2 Hẻm số 7, 8, 9, 10, 11, 12 đường Huỳnh Văn Thanh (trong phạm vi 50m đầu, không tiếp giáp Hẻm số 7, 8, 9, 10, 11, 12 đường Huỳnh Văn Thanh và không cùng chủ sử dụng với thửa đất tiếp giáp đường)	3.926.300							
6	Vị trí 3 Hẻm số 7, 8, 9, 10, 11, 12 đường Huỳnh Văn Thanh (thửa đất trong phạm vi từ sau mét thứ 50 đến mét thứ 100)	2.244.000							
V	Vị trí không thuộc phần I, II, III, IV nêu trên								
1	Đất ở không giáp đường							445.000	
B	Đất trồng cây hằng năm								
I	Đường Bờ Lờ trong đoạn từ Ngã ba Lâm Vô đến Ngã ba Điện Biên Phủ								
1	Vị trí 1 đường Bờ Lờ trong đoạn từ Ngã ba Lâm Vô đến Ngã ba Điện Biên Phủ (trong phạm vi 50m đầu, tiếp giáp đường Bờ Lờ hoặc không tiếp giáp đường nhưng cùng chủ sử dụng với thửa đất tiếp giáp đường)	12.061.000							
2	Vị trí 2 đường Bờ Lờ trong đoạn từ Ngã ba Lâm Vô đến Ngã ba Điện Biên Phủ (trong phạm vi 50m đầu, không tiếp giáp đường Bờ Lờ và không cùng chủ sử	8.442.700							

TT	Nội dung	Đường giao thông nền đường \geq 6m, có trải bê tông hoặc nhựa	Đường giao thông nền đường \geq 6m có trải đá, sỏi đỏ hoặc bằng đất	Đường giao thông nền đường 3m đến < 6m, có trải bê tông hoặc nhựa	Đường giao thông nền đường 3m đến < 6m có trải đá, sỏi đỏ hoặc bằng đất	Đường giao thông nền đường < 3m, có trải bê tông hoặc nhựa	Đường giao thông nền đường < 3m có trải đá, sỏi đỏ hoặc bằng đất	Không giáp đường	Giáp Suối
	dụng với thửa đất tiếp giáp đường)								
3	Vị trí 3 đường Bời Lời trong đoạn từ Ngã ba Lâm Vô đến Ngã ba Điện Biên Phủ (thửa đất trong phạm vi từ sau mét thứ 50 đến mét thứ 100)	4.824.400							
II	Đường 25 Bời Lời								
1	Vị trí 1 đường 25 Bời Lời (trong phạm vi 50m đầu, tiếp giáp đường 25 Bời Lời hoặc không tiếp giáp đường nhưng cùng chủ sử dụng với thửa đất tiếp giáp đường)	1.613.000	1.613.000	912.000	912.000	731.100	731.100		
2	Vị trí 2 đường 25 Bời Lời, (trong phạm vi 50m đầu, không tiếp giáp đường 25 Bời Lời và không cùng chủ sử dụng với thửa đất tiếp giáp đường)	1.129.100	1.129.100	638.400	638.400	511.770	511.770		
	Vị trí 3 đường 25 Bời Lời, (trong phạm vi 50m đầu, không tiếp giáp đường 25 Bời Lời và không cùng chủ sử dụng với thửa đất tiếp giáp đường)	645.200	645.200	364.800	364.800	358.000	358.000		
III	Đường số 53, 55, 56, 57 Điện Biên Phủ								
1	Vị trí 1 đường số 53, 55, 56, 57 Điện Biên Phủ (trong phạm vi 50m đầu, tiếp giáp đường số 53, 55, 56, 57 Điện Biên Phủ hoặc không tiếp giáp đường nhưng cùng chủ sử dụng với thửa đất tiếp giáp đường)	1.613.000	1.613.000	912.000	912.000	731.100	731.100		
2	Vị trí 2 đường số 53, 55, 56, 57 Điện Biên Phủ (trong phạm vi 50m đầu, không tiếp giáp đường số 53, 55, 56, 57 Điện Biên Phủ và không cùng chủ	781.200	781.200	638.400	638.400	511.800	511.800		

TT	Nội dung	Đường giao thông nền đường \geq 6m, có trải bê tông hoặc nhựa	Đường giao thông nền đường \geq 6m có trải đá, sỏi đỏ hoặc bằng đất	Đường giao thông nền đường 3m đến < 6m, có trải bê tông hoặc nhựa	Đường giao thông nền đường 3m đến < 6m có trải đá, sỏi đỏ hoặc bằng đất	Đường giao thông nền đường < 3m, có trải bê tông hoặc nhựa	Đường giao thông nền đường < 3m có trải đá, sỏi đỏ hoặc bằng đất	Không giáp đường	Giáp Suối
C	Đất trồng cây lâu năm								
I	Đường Bờ Lờ trong đoạn từ Ngã ba Lâm Vô đến Ngã ba Điện Biên Phủ								
1	Vị trí 1 đường Bờ Lờ trong đoạn từ Ngã ba Lâm Vô đến Ngã ba Điện Biên Phủ (trong phạm vi 50m đầu, tiếp giáp đường Bờ Lờ hoặc không tiếp giáp đường nhưng cùng chủ sử dụng với thửa đất tiếp giáp đường)	13.528.000							
2	Vị trí 2 đường Bờ Lờ trong đoạn từ Ngã ba Lâm Vô đến Ngã ba Điện Biên Phủ (trong phạm vi 50m đầu, không tiếp giáp đường Bờ Lờ và không cùng chủ sử dụng với thửa đất tiếp giáp đường)	9.469.600							
3	Vị trí 3 đường Bờ Lờ trong đoạn từ Ngã ba Lâm Vô đến Ngã ba Điện Biên Phủ (thửa đất trong phạm vi từ sau mét thứ 50 đến mét thứ 100)	5.411.200							
II	Đường 25 Bờ Lờ								
1	Vị trí 1 đường 25 Bờ Lờ (trong phạm vi 50m đầu, tiếp giáp đường Bờ Lờ hoặc không tiếp giáp đường nhưng cùng chủ sử dụng với thửa đất tiếp giáp đường)	1.737.000	1.737.000	999.900	999.900	730.700	730.700		
2	Vị trí 2 đường 25 Bờ Lờ (trong phạm vi 50m đầu, không tiếp giáp đường 25 Bờ Lờ và không cùng chủ sử dụng với thửa đất tiếp giáp đường)	1.215.900	1.215.900	700.000	700.000	511.500	511.500		

TT	Nội dung	Đường giao thông nền đường \geq 6m, có trải bê tông hoặc nhựa	Đường giao thông nền đường \geq 6m có trải đá, sỏi đỏ hoặc bằng đất	Đường giao thông nền đường 3m đến < 6m, có trải bê tông hoặc nhựa	Đường giao thông nền đường 3m đến < 6m có trải đá, sỏi đỏ hoặc bằng đất	Đường giao thông nền đường < 3m, có trải bê tông hoặc nhựa	Đường giao thông nền đường < 3m có trải đá, sỏi đỏ hoặc bằng đất	Không giáp đường	Giáp Suối
3	Vị trí 3 đường 25 Bờ Lòi (thửa đất trong phạm vi từ sau mét thứ 50 đến mét thứ 100)	694.800	694.800	417.700	417.700	417.700	417.700		
III	Đường số 53, 55, 56, 57 Điện Biên Phủ								
1	Vị trí 1 đường số 53, 55, 56, 57 Điện Biên Phủ (trong phạm vi 50m đầu, tiếp giáp đường số 53, 55, 56, 57 Điện Biên Phủ hoặc không tiếp giáp đường nhưng cùng chủ sử dụng với thửa đất tiếp giáp đường)	1.816.000	1.816.000	1.045.400	1.045.400	763.900	763.900		
2	Vị trí 2 đường số 53, 55, 56, 57 Điện Biên Phủ (trong phạm vi 50m đầu, không tiếp giáp đường số 53, 55, 56, 57 Điện Biên Phủ và không cùng chủ sử dụng với thửa đất tiếp giáp đường)	1.271.200	1.271.200	732.000	732.000	534.700	534.700		
3	Vị trí 3 đường số 53, 55, 56, 57 Điện Biên Phủ (thửa đất trong phạm vi từ sau mét thứ 50 đến mét thứ 100)	726.400	726.400	418.000	418.000	417.700	417.700		
IV	Hẻm số 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12 đường Huỳnh Văn Thanh								
1	Vị trí 1 Hẻm số 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12 đường Huỳnh Văn Thanh (trong phạm vi 50m đầu, tiếp giáp Hẻm số 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12 đường Huỳnh Văn Thanh hoặc không tiếp giáp đường nhưng cùng chủ sử dụng với thửa đất tiếp giáp đường)	1.737.000	1.737.000	999.900	999.900	730.700	730.700		
2	Vị trí 2 Hẻm số 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12 đường Huỳnh Văn Thanh (trong phạm vi	1.215.900	1.215.900	700.000	700.000	511.500	511.500		

TT	Nội dung	Đường giao thông nền đường \geq 6m, có trải bê tông hoặc nhựa	Đường giao thông nền đường \geq 6m có trải đá, sỏi đỏ hoặc bằng đất	Đường giao thông nền đường 3m đến < 6m, có trải bê tông hoặc nhựa	Đường giao thông nền đường 3m đến < 6m có trải đá, sỏi đỏ hoặc bằng đất	Đường giao thông nền đường < 3m, có trải bê tông hoặc nhựa	Đường giao thông nền đường < 3m có trải đá, sỏi đỏ hoặc bằng đất	Không giáp đường	Giáp Suối
	50m đầu, không tiếp giáp Hẻm số 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12 đường Huỳnh Văn Thanh và không cùng chủ sử dụng với thửa đất tiếp giáp đường)								
3	Vị trí 3 Hẻm số 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12 đường Huỳnh Văn Thanh (thửa đất trong phạm vi từ sau mét thứ 50 đến mét thứ 100)	694.800	694.800	417.700	417.700	417.700	417.700		
V	Vị trí không thuộc phần I, II, III, IV nêu trên								
1	Đất trồng cây lâu năm không giáp đường							417.700	
2	Đất trồng cây lâu năm giáp suối								491.200

2. Đối với nhà ở, công trình phụ phục vụ sinh hoạt:

2.1. Điều kiện bồi thường: Thực hiện bồi thường theo quy định tại Điều 102 Luật Đất đai 2024; Quyết định số 31/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh; Quyết định số 62/2024/QĐ-UBND ngày 12/11/2024 của UBND tỉnh Sửa đổi, bổ sung Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh ban hành kèm theo Quyết định số 31/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh.

2.2. Đơn giá bồi thường: Áp dụng theo Quyết định số 39/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc ban hành quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về nhà, nhà ở, công trình xây dựng, chi phí di chuyển và chi phí phá dỡ tài sản gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

2.3. Lập phương án bồi thường, hỗ trợ đối với các trường hợp cụ thể:

Căn cứ Quyết định số 2014/2003/QĐ-UB, ngày 08/12/2003 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết khu Ninh Sơn - Ninh Thạnh thị xã Tây Ninh.

Phương án bồi thường, hỗ trợ cụ thể như sau:

a. Đối với nhà ở, công trình xây dựng trên đất ở tại đô thị trước ngày 08/12/2003:

Đề xuất bồi thường 100% đơn giá xây mới theo quy định tại Khoản 1 Điều 102 Luật Đất đai 2024 và quy định tại Khoản 1 Điều 4 Quyết định số 31/2024/QĐ-

UBND ngày 27/9/2024 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

- Đơn giá bồi thường: Áp dụng theo quy định tại Quyết định số 39/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về nhà, nhà ở, công trình xây dựng, chi phí di chuyển và chi phí phá dỡ tài sản gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

b. Đối với nhà ở, công trình xây dựng trên đất ở tại đô thị từ sau ngày 08/12/2003 đến ngày 01/7/2004:

- Không bồi thường, chỉ xem xét hỗ trợ bằng 40% mức bồi thường, hỗ trợ xây dựng mới nhà, công trình có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 9a Quyết định số 31/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh (được bổ sung tại Điều 1 Quyết định số 62/2024/QĐ-UBND ngày 12/11/2024 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc sửa đổi, bổ sung Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh ban hành kèm theo Quyết định số 31/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh).

- Đơn giá tính hỗ trợ: Áp dụng theo quy định tại Quyết định số 39/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về nhà, nhà ở, công trình xây dựng, chi phí di chuyển và chi phí phá dỡ tài sản gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

c. Đối với nhà ở, công trình xây dựng trên đất ở tại đô thị từ sau ngày 01/7/2004 không có giấy phép xây dựng:

Không bồi thường, không hỗ trợ theo quy định tại Khoản 2 Điều 105 Luật Đất đai năm 2024 và quy định tại Khoản 5 Điều 9a Quyết định số 31/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh (được bổ sung tại Điều 1 Quyết định số 62/2024/QĐ-UBND ngày 12/11/2024 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc sửa đổi, bổ sung Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh ban hành kèm theo Quyết định số 31/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh).

d. Đối với nhà ở, công trình xây dựng trên đất nông nghiệp trước ngày 01/7/2004:

- Không bồi thường, chỉ xem xét hỗ trợ bằng 40% mức bồi thường, hỗ trợ xây dựng mới nhà, công trình có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 9a Quyết định số 31/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh (được bổ sung tại Điều 1 Quyết định số 62/2024/QĐ-UBND ngày 12/11/2024 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc sửa đổi, bổ sung Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh ban hành kèm theo Quyết định số 31/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh).

- Đơn giá tính hỗ trợ: Áp dụng theo quy định tại Quyết định số 39/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về nhà, nhà ở, công trình xây dựng, chi phí di chuyển và chi phí phá dỡ tài sản gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

e. Đối với nhà, công trình xây dựng trên đất nông nghiệp từ sau ngày 01/7/2004:

Không bồi thường, không hỗ trợ theo quy định tại Khoản 2 Điều 105 Luật Đất đai năm 2024 và quy định tại Khoản 5 Điều 9a Quyết định số 31/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh (được bổ sung tại Điều 1 Quyết định số 62/2024/QĐ-UBND ngày 12/11/2024 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc sửa đổi, bổ sung Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh ban hành kèm theo Quyết định số 31/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh).

f. Đối với nhà, công trình xây dựng theo giấy phép xây dựng có thời hạn:

Căn cứ Khoản 2 Điều 21 của Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định:

“Điều 21. Hỗ trợ di dời vật nuôi; hỗ trợ để tháo dỡ, phá dỡ, di dời tài sản gắn liền với đất là phần công trình xây dựng theo giấy phép xây dựng có thời hạn theo pháp luật về xây dựng mà đến thời điểm thu hồi đất giấy phép đã hết thời hạn

..2. Đối với tài sản gắn liền với đất là phần công trình xây dựng theo giấy phép xây dựng có thời hạn theo pháp luật về xây dựng mà đến thời điểm thu hồi đất giấy phép đã hết thời hạn thì chủ sở hữu tài sản không được bồi thường mà được hỗ trợ để tháo dỡ, phá dỡ, di dời.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ tình hình thực tế tại địa phương quy định các trường hợp, biện pháp, mức hỗ trợ tháo dỡ, phá dỡ, di dời cho chủ sở hữu công trình cho phù hợp với từng trường hợp cụ thể.”

Khoản 2 Điều 16 Quyết định số 31/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 của UBND tỉnh Tây Ninh quy định:

“Điều 16. Hỗ trợ di dời vật nuôi; hỗ trợ để tháo dỡ, phá dỡ, di dời tài sản gắn liền với đất là phần công trình xây dựng theo giấy phép xây dựng có thời hạn theo pháp luật về xây dựng mà đến thời điểm thu hồi đất giấy phép đã hết thời hạn quy định tại Điều 21 của Nghị định số 88/2024/NĐ-CP

2. Đối với tài sản gắn liền với đất là phần công trình xây dựng theo giấy phép xây dựng có thời hạn theo pháp luật về xây dựng mà đến thời điểm thu hồi đất giấy phép đã hết thời hạn quy định tại Điều 21 của Nghị định số 88/2024/NĐ-CP thì chủ sở hữu tài sản không được bồi thường mà được hỗ trợ để tháo dỡ, phá dỡ, di dời theo hình thức bằng tiền.

Mức hỗ trợ cụ thể do đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư lập dự toán chi phí hỗ trợ tháo dỡ, phá dỡ, di dời gửi cho cơ quan quản

lý nhà nước chuyên môn cùng cấp thẩm định trước khi trình UBND cấp huyện quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để làm căn cứ hỗ trợ. Mức hỗ trợ không quá 10% giá trị bồi thường công trình đó. Trường hợp công trình không còn sử dụng hoặc thực tế không sử dụng thì không được hỗ trợ.”

Không bồi thường, chỉ hỗ trợ chi phí tháo dỡ, phá dỡ, di dời bằng 10% giá trị bồi thường công trình đó, đơn giá bồi thường theo quy định tại Quyết định số 39/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về nhà, nhà ở, công trình xây dựng, chi phí di chuyển và chi phí phá dỡ tài sản gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

g. Đối với nhà, công trình xây dựng trên đất giao thông (xây dựng trên đất đường 10m và đường 20m theo bản đồ địa chính):

Căn cứ Khoản 2 Điều 105 Luật Đất đai 2024:

“Điều 105. Trường hợp không được bồi thường tài sản gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất

.....
2. Tài sản gắn liền với đất được tạo lập trái quy định của pháp luật hoặc tạo lập trong thời hạn hiệu lực của thông báo thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Luật này.”

Không bồi thường, không hỗ trợ, hộ dân phải tự di dời.

3. Bồi thường cây trồng:

3.1 Đối với cây trồng trên đất đủ điều kiện bồi thường:

Thực hiện bồi thường theo quy định tại Điều 103 Luật Đất đai 2024.

Điều kiện bồi thường và đơn giá bồi thường: Áp dụng theo quy định tại Điều 4 Quyết định số 44/2024/QĐ-UBND ngày 15/10/2024 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất và mức bồi thường cụ thể khi Nhà nước thu hồi đất mà gây thiệt hại đối với vật nuôi là thủy sản hoặc vật nuôi khác mà không thể di chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

3.2. Đối với cây trồng trên đất giao thông:

Không bồi thường, không hỗ trợ, hộ dân phải tự di dời.

4. Chính sách hỗ trợ:

Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và Quyết định số 31/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh. Cụ thể như sau:

4.1. Hỗ trợ ổn định đời sống khi Nhà nước thu hồi đất:

- Thực hiện theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và Điều 14 Quyết định số 31/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024

của UBND tỉnh Tây Ninh về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh:

- Đơn giá gạo: Căn cứ theo Thông báo số 4529/TB-STC ngày 01/4/2026 của Sở Tài chính tỉnh Tây Ninh về đơn giá gạo làm cơ sở xác định mức hỗ trợ ổn định đời sống và hộ nghèo theo quy định của UBND tỉnh Long An (cũ) tại Quyết định số 48/2024/QĐ-UBND ngày 25/10/2024; Quyết định số 31/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 của UBND tỉnh Tây Ninh (cũ); Quyết định số 62/2024/QĐ-UBND ngày 12/11/2024 sửa đổi, bổ sung Quyết định số 31/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 của UBND tỉnh Tây Ninh (cũ).

4.2. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất:

Không có trường hợp đủ điều kiện hỗ trợ theo quy định tại Khoản 1 Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và Điều 10 Quyết định số 31/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 của UBND tỉnh Tây Ninh.

4.3. Hỗ trợ chi phí di chuyển chỗ ở:

Thực hiện theo khoản 2 Điều 108 Luật Đất đai và Điều 9 Quyết định số 31/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh. Mức hỗ trợ: Trường hợp di chuyển trong phạm vi tỉnh hỗ trợ 6.500.000 đồng/hộ; di chuyển sang tỉnh khác được chính quyền địa phương của tỉnh nơi hộ gia đình, cá nhân di chuyển đến ở xác nhận thì hỗ trợ 12.500.000 đồng/hộ.

4.4. Hỗ trợ tiền thuê nhà ở:

Thực hiện theo khoản 7 Điều 111 Luật Đất đai và Điều 17 Quyết định số 31/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh. Mức hỗ trợ: 8.000.000 đồng/hộ/tháng trong thời gian 06 tháng kể từ ngày di chuyển chỗ ở và bàn giao đất.

Trường hợp quá thời gian 06 tháng mà cơ quan có thẩm quyền chưa bố trí tái định cư xong thì được tiếp tục hỗ trợ thuê nhà ở cho đến khi được bố trí tái định cư.

4.5. Hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất:

- Đối tượng hỗ trợ: Thực hiện theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

- Mức hỗ trợ: Thực hiện theo quy định tại Điều 17 Quyết định số 31/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh: Mức hỗ trợ bằng tiền 200 triệu đồng/trường hợp.

4.6. Thưởng đối với người có đất thu hồi bàn giao mặt bằng trước thời hạn quy định tại khoản 7 Điều 111 của Luật Đất đai:

- Đối tượng: Người có đất ở bị thu hồi, đủ điều kiện xem xét bố trí tái định cư có di chuyển chỗ ở mà đồng ý với phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư do đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư niêm yết công khai theo trình tự, thủ tục quy định tại điểm a khoản 3 Điều 87 của Luật Đất đai và thực hiện bàn giao mặt bằng trên thực địa cho Cơ quan có thẩm quyền trong thời gian tối đa 30 ngày kể từ ngày nhận quyết định thu hồi đất của UBND nhân dân có thẩm quyền thì được thưởng bằng tiền.

- Mức thưởng: Thực hiện theo quy định tại Điều 12 Quyết định số 31/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh. Mức thưởng là 15.000.000 đồng/trường hợp (thưởng một lần).

5. Tái định cư:

- Số hộ đủ điều kiện bố trí tái định cư: 14 hộ.

- Địa điểm bố trí tái định cư: Khu tái định cư đường Trần Phú (thuộc phường Bình Minh, tỉnh Tây Ninh).

- Giá đất tính tiền sử dụng đất tại nơi tái định cư:

+ Vị trí đất tiếp giáp đường Trần Phú: 11.000.000 đồng/m²

+ Vị trí đất tiếp giáp đường số 4 Trần Phú: 6.000.000 đồng/m²

- Hình thức giao đất tái định cư: Tổ chức cho các hộ bốc thăm để chọn vị trí cụ thể được bố trí tái định cư.

*** Ghi nợ tiền sử dụng đất khi được giao đất tái định cư:**

Căn cứ Khoản 1 Điều 26 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định:

“Điều 26. Ghi nợ tiền sử dụng đất khi được giao đất tái định cư:

1. Đối tượng được ghi nợ tiền sử dụng đất quy định tại khoản 3 Điều 111 của Luật Đất đai là người được bố trí tái định cư mà tiền được bồi thường về đất nhỏ hơn tiền sử dụng đất phải nộp khi được giao đất tái định cư, nếu có nhu cầu ghi nợ tiền sử dụng đất và cam kết thực hiện bàn giao mặt bằng theo đúng tiến độ.

2. Giá đất để tính ghi nợ tiền sử dụng đất là giá đất được xác định theo bảng giá đất tại thời điểm phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

Khi thanh toán nợ tiền sử dụng đất thì người sử dụng đất trả nợ theo số tiền sử dụng đất được nợ ghi trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

3. Mức tiền sử dụng đất ghi nợ đối với hộ gia đình, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều này được xác định bằng chênh lệch giữa tiền sử dụng đất phải nộp khi hộ gia đình, cá nhân được giao đất tái định cư trừ (-) giá trị được bồi thường về đất.

Trường hợp thuộc đối tượng được hỗ trợ tái định cư, nếu số tiền sử dụng đất phải nộp lớn hơn giá trị suất tái định cư tối thiểu thì được ghi nợ số tiền sử dụng đất lớn hơn phải nộp.

4. Hộ gia đình, cá nhân được ghi nợ tiền sử dụng đất quy định tại khoản 1 Điều này phải nộp đủ tiền sử dụng đất còn nợ trước khi chuyển đổi, chuyển

nhượng, tặng cho quyền sử dụng đất, thế chấp, góp vốn bằng quyền sử dụng đất. Đối với trường hợp thừa kế hoặc tặng cho quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật mà chưa trả hết nợ tiền sử dụng đất thì người nhận thừa kế, nhận tặng cho được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo thì tiếp tục được ghi nợ.

5. Về trình tự, thủ tục ghi nợ, thanh toán, xóa nợ tiền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân được ghi nợ tiền sử dụng đất quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định của pháp luật về thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.

6. Nguồn vốn thực hiện: Ngân sách Tỉnh.

7. Địa điểm tiếp nhận ý kiến của người dân có đất bị thu hồi:

Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất Khu vực Tân Ninh đề nghị các hộ dân có đất bị thu hồi trong thời gian niêm yết, nếu có ý kiến về dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đề nghị ghi rõ nội dung ý kiến vào phiếu lấy ý kiến (theo mẫu) và nộp lại cho Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất Khu vực Tân Ninh để tổng hợp, xem xét theo quy định.

*** Địa điểm tiếp nhận ý kiến của người dân có đất bị thu hồi:**

Tại Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất Khu vực Tân Ninh, địa chỉ số 138 đường Trần Hưng Đạo, khu phố 22, phường Tân Ninh, tỉnh Tây Ninh. Số điện thoại liên hệ: 02763.810.597.

Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất Khu vực Tân Ninh đề nghị UBND phường Bình Minh thông báo trên các phương tiện truyền thông của phường để các hộ dân biết, phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:

- Trung tâm PTQĐ (b/c);
- UBND phường Bình Minh;
- Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông tỉnh Tây Ninh;
- BGD Chi nhánh;
- Lưu: VT, NV.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Phan Tuấn Cường